

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 150/2020/DS-PT

Ngày 08 - 6 - 2020

V/v tranh chấp: “Quyền sử dụng đất, hủy
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán:

Ông Võ Văn Khoa

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 172/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2019/DS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 892/2020/QĐ- PT ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn:

1. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1932 (có mặt);
Địa chỉ: ấp P, xã P1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958 (có mặt);
Địa chỉ: ấp P, xã P1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
3. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1963 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp P, xã P1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang
4. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1965 (có mặt);
Địa chỉ: ấp P, xã P1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang
5. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967 (có mặt);
Địa chỉ: ấp P, xã P1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
6. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã P1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

7. Ông Nguyễn Văn P2, sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã P1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

8. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1953 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Phú Hòa, xã P1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

9. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Phú Hòa, xã P1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

6. Bà Nguyễn Thị P3, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Phú Hòa, xã P1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P2, sinh năm 1973 (có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04/6/2020);

Địa chỉ: ấp P, xã P1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo các văn bản ủy quyền ngày 09/4/2018 và ngày 11/4/2018)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn P2: Ông Trần Thanh K, luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Trần Thanh K, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

-Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Út T3, sinh năm 1977 (có mặt);

2. Bà Bùi Thị Trúc L, sinh năm 1981(có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: số 125/3 đường L1, Tổ 10, khu phố 8, Phường 5, thành phố M1, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền cùng ngày 27/10/2017)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Nguyễn Chí C1, sinh năm 2003 (vắng mặt);

2. Cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 2008 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật của cháu C1, cháu V: Ông Nguyễn Út T3, sinh năm 1977; Bà Bùi Thị Trúc L, sinh năm 1981 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: đường M2, Phường 4, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn B1. Chức vụ: Chủ tịch (có đơn xin vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn P2 là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/7/2017 và tại các lần hòa giải, đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là ông Nguyễn Văn P2 trình bày:

Nguyên trước đây, các nguyên đơn là bà Ngô Thị H, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Văn P2, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị P3 là chủ sở hữu chung đối với quyền sử dụng của các thửa đất:

- Thửa đất số 452, tờ bản đồ số 4 diện tích 586m² tọa lạc tại ấp P, xã P1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng quyền sử dụng đất số H00912 ngày 14/01/2008 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T4.

- Thửa đất số 451, tờ bản đồ số 4 diện tích 146m² tọa lạc tại ấp P, xã P1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng quyền sử dụng đất số H00911 ngày 14/01/2008 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T4.

- Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 10 diện tích 3.267m² tọa lạc tại ấp P, xã P1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng quyền sử dụng đất số H00914 ngày 14/01/2008 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T4.

Sau đó ông Nguyễn Văn T4 và bà Ngô Thị H đồng ý tặng cho anh Nguyễn Út T3 theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 16/02/2012 tại Phòng công chứng số 3 tỉnh Tiền Giang (có ông T4 ký tên và bà H điềm chỉ), còn lại các thành viên khác trong hộ ông T4 không đồng ý ký tên và cũng không hay biết việc tặng cho các thửa đất này, việc tặng cho các thửa đất trên là không đúng theo quy định và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các ông, bà. Hiện tại ông Nguyễn Út T3 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên.

Nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông T3 và bà L trả lại cho các nguyên đơn: Thửa đất số 452 tờ bản đồ số 4 diện tích 586m²; thửa đất số 451 tờ bản đồ số 4 diện tích 146m²; thửa đất số 3 tờ bản đồ số 10 diện tích 3.267m² các thửa đất tọa lạc tại ấp P, xã P1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00333; CH00332; CH00331 tất cả do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 16/01/2013 cho ông Nguyễn Út T3.

Nếu yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được Tòa án chấp nhận thì các nguyên đơn đồng ý hoàn lại phần giá trị tài sản trên đất cho ông T3 và bà L theo chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần Giám định thẩm định Sài Gòn (Sagonap).

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 12/3/2018 và các lần hòa giải, bị đơn ông Nguyễn Út T3 và bà Bùi Thị Trúc L và đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Văn D trình bày:

Qua nội dung đơn yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, ông T3 bà L không đồng ý vì ông, bà là con út trong gia đình sống chung với cha mẹ là ông T4 và bà H cùng quản lý canh tác các thửa đất tranh chấp, còn lại các anh chị em đã được cha mẹ chia phần, con trai được chia đất còn con gái thì được chia tiền. Phần đất còn lại cha mẹ ông T3 bà L già yếu không quản lý canh tác được nên ông, bà là người trực tiếp quản lý, canh tác và nuôi dưỡng cha mẹ, còn các anh chị em đều có gia đình riêng. Vào ngày 16/02/2012 cha, mẹ ông T3 bà L là ông T4 và bà H có mời 02 nhân chứng là ông Thái Văn T5 và ông Nguyễn Văn N đến Phòng công chứng số 3, tỉnh Tiền Giang, lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất các thửa 452 và thửa số 451, tờ bản đồ số 4 và thửa số 3 tờ bản đồ số 10, tại ấp P, xã P1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Việc cha mẹ ông, bà tặng cho là đúng quy định pháp luật nên ông T3 bà L không đồng ý trả lại các thửa đất cho các nguyên đơn và hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Út T3.

Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2019/DS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Ngô Thị H, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn G, Nguyễn Thị P3, Nguyễn Văn P2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 16/12/2019, ông Nguyễn Văn P2 là nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị sửa án theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn P2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông P2 trình bày: Nguyên đơn yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ vì việc tổng đạt của Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không tổng đạt bản án cho các nguyên đơn. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo xác nhận của Công an xã P1, thị xã C thì hộ có 14 thành viên (Bút lục 57). Khi lập hợp đồng tặng cho, ông Nguyễn Văn T4 và bà Ngô Thị H đồng ý tặng cho anh Nguyễn Út T3 theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 16/02/2012 tại Phòng công chứng số 3 tỉnh Tiền Giang, còn lại các thành viên khác trong hộ ông T4 không đồng ý ký tên và cũng không hay

biết việc tặng cho các thửa đất này, việc tặng cho các thửa đất trên không tuân thủ hình thức nên vô hiệu. Các thành viên có công sức đóng góp trong các thửa đất trên. Hơn nữa, nếu hộ gia đình có 05 thành viên nhưng hợp đồng tặng cho chỉ có 03 người ký là không đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Ông D đại diện bị đơn trình bày: Không đồng ý với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Hộ khẩu số 1066 năm 2003 hộ ông Nguyễn Văn T4 chỉ có 05 thành viên. Nguyên đơn không có tài liệu chứng minh có 14 thành viên, không phù hợp thực tế và không phù hợp với các giấy tờ. Công sức đóng góp là không có vì tất cả đã có gia đình và ra ở riêng. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Ông T3 và bà Trúc L trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của ông P2 hợp lệ về hình thức. Ông T4, bà H có lập hợp đồng tặng cho ông Nguyễn Út T3. Hợp đồng phù hợp qui định pháp luật. Trên cơ sở tặng cho quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất cho ông Nguyễn Út T3 vào ngày 16/01/2013. Sau khi được cấp giấy, vợ chồng ông T3 xây nhà, trồng cây lâu năm trên thửa đất số 3, tờ bản đồ 10 nhưng các nguyên đơn không tranh chấp hoặc ngăn cản. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông P2, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn P2 là nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguồn gốc các thửa đất tranh chấp:

Thửa số 452, tờ bản đồ số 4, diện tích 586m², tọa lạc tại ấp P, xã P1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng quyền sử dụng đất số H00912 ngày 14/01/2008 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T4.

Thửa số 451, tờ bản đồ số 4, diện tích 146m², tọa lạc tại ấp P, xã P1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng quyền sử dụng đất số H00911 ngày 14/01/2008 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T4.

Thửa số 03, tờ bản đồ số 10, diện tích 3.267m², tọa lạc tại ấp P, xã P1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng quyền sử dụng đất số H00914 ngày 14/01/2008 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T4.

Các thửa đất này có nguồn gốc trước đây là của ông, bà, cha mẹ để lại cho ông T4, bà H. Đến năm 1996 thì ông T4 kê khai đăng ký và được đứng tên cá nhân và đại diện hộ gia đình ông T4. Đến năm 2008, ông T4 tiến hành làm thủ tục cấp đổi lại thì được UBND huyện C cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình do ông Nguyễn Văn T4 đại diện đứng tên đối với 03 thửa đất nêu trên.

[2.2] Công an xã P1, thị xã C ghi nội dung: “vào thời điểm trước ngày 14/01/2008 hộ ông Nguyễn Văn T4 gồm có 14 (mười bốn) nhân khẩu là đúng”(Bút lục 57) và tại bản sao sổ hộ khẩu số 1066 do bị đơn cung cấp thể hiện năm 2003 hộ ông Nguyễn Văn T4 gồm có: Nguyễn Văn T4 (chủ hộ), Ngô Thị H (vợ), Nguyễn Út T3 (con), Bùi Thị Trúc L (dâu), Nguyễn Chí C1 (cháu), Nguyễn Thị Tường V (cháu), không phải có 14 nhân khẩu như các nguyên đơn trình bày (Bút lục 139). Điều này cũng phù hợp với nội dung trả lời tại Công văn số 360/CATX ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Công an Thị xã C “V/v cung cấp thông tin nhân khẩu hộ ông Nguyễn Văn T4” cho biết “Căn cứ hồ sơ lưu tại tàng thư Công an Thị xã C thì thông tin nhân khẩu hộ gia đình ông Nguyễn Văn T4, sinh năm: 1926, hồ sơ hộ khẩu số: 1066/PQ, nơi đăng ký thường trú: Ấp P, xã P1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Hộ ông Nguyễn Văn T4, sinh năm: 1926, gồm 05 (năm) nhân khẩu là đúng thông tin lưu tại tàng thư Công an thị xã C đang quản lý:

1. Nguyễn Văn T4, sinh năm 1926;
2. Ngô Thị H, sinh năm: 1932;
3. Bùi Thị Trúc L, sinh năm: 1981;
4. Nguyễn Chí C1, sinh năm 02/5/2003;
5. Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 19/12/2008;” (Bút lục 213).

Ngoài ra, tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã C cung cấp cho Tòa án thể hiện trong hồ sơ có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T4, kèm theo hồ sơ là sổ hộ khẩu số 1066 ghi các thành viên của hộ ông T4 gồm: Nguyễn Văn T4 (chủ hộ); Ngô Thị H; Trần Minh T6 (đã xóa); Nguyễn Thị T (đã xóa); Nguyễn Văn E (đã xóa); Nguyễn Văn B (đã xóa); Nguyễn Văn G (đã xóa); Nguyễn Út T3 (Bút lục 325-328). Như vậy có đủ cơ sở xác định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn T4 thì hộ ông T4 chỉ có 05 thành viên như lời trình bày của bị đơn là có căn cứ.

[2.3] Ngày 16/02/2012, ông Nguyễn Văn T4, bà Ngô Thị H lập hợp đồng tặng cho các thửa đất trên cho ông Nguyễn Út T3. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa các bên có hình thức và nội dung phù hợp pháp luật, được công chứng tại Phòng công chứng số 3, tỉnh Tiền Giang. Trên cơ sở tặng cho quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất cho ông Nguyễn Út T3 vào ngày 16/01/2013. Sau khi được cấp giấy, vợ chồng ông T3 xây nhà, trồng cây lâu năm trên thửa đất số 3, tờ bản đồ 10 nhưng các nguyên đơn không tranh chấp hoặc ngăn cản.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Ông Nguyễn Văn P2 kháng cáo nhưng không đưa ra tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn P2, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông P2, giữ nguyên án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn P2 phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 147, các điều 150, 157, 165, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 108, Điều 465, 467, 688, 689, 691, 692 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Điều 202, 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn P2; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2019/DS-ST ngày 04/12/2019 của Tòa án nhân tỉnh Tiền Giang, cụ thể như sau:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Ngô Thị H, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn G, Nguyễn Thị P3 và Nguyễn Văn P2.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị H, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị P3, ông Nguyễn Văn P2 phải chịu

300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001086 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3. Về chi phí tố tụng: Các nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng theo quy định. Ông Nguyễn Văn P2 đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn đã nộp xong nên không phải nộp tiếp.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn P2 phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001218 ngày 16/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang. Ông Nguyễn Văn P2 đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Tiền Giang (1);
- VKSND tỉnh Tiền Giang (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang (1);
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang (1);
- Đương sự;
- Lưu VP (3), Hồ sơ (1), (Án – Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương